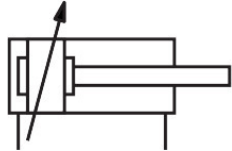


# Xylanh tiêu chuẩn DNC-32-200-PPV

Số bộ phận: 163326

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                               | Giá trị                                                       |
|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                             | 200 mm                                                        |
| Ø pít tông                                             | 32 mm                                                         |
| Ren thanh pít tông                                     | M10x1,25                                                      |
| Đệm                                                    | Đệm khí nén ở cả hai bên điều chỉnh được                      |
| Vị trí lắp đặt                                         | bất kì                                                        |
| Tuân theo tiêu chuẩn                                   | ISO 15552                                                     |
| Đầu thanh piston                                       | Ren ngoài                                                     |
| Cấu trúc xây dựng                                      | Pít tông<br>Cần piston<br>Ổng định hình                       |
| Phát hiện vị trí                                       | không có                                                      |
| Các biến thể                                           | thanh pít-tông một mặt                                        |
| Áp suất vận hành                                       | 0.06 MPA...1.2 MPA<br>0.6 bar...12 bar                        |
| Nguyên tắc vận hành                                    | tác động kép                                                  |
| Môi chất vận hành                                      | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                  | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                   | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                          | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                         | -20 °C...80 °C                                                |
| Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối                   | 0.1 J                                                         |
| Chiều dài đệm                                          | 20 mm                                                         |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi  | 415 N                                                         |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống  | 483 N                                                         |
| Khối lượng di chuyển ở hành trình 0 mm                 | 162 g                                                         |
| Khối lượng di chuyển bổ sung trên mỗi hành trình 10 mm | 9 g                                                           |
| Trọng lượng cơ bản ở hành trình 0 mm                   | 517 g                                                         |
| Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm           | 30 g                                                          |
| Kiểu gắn                                               | với ren trong<br>với phụ kiện                                 |
| Cổng nối khí nén                                       | G1/8                                                          |
| Ghi chú vật liệu                                       | Tuân thủ RoHS                                                 |

| Đặc tính              | Giá trị                            |
|-----------------------|------------------------------------|
| Vật liệu phủ          | Nhôm đúc áp lực<br>trắng phủ       |
| Vật liệu của phốt     | TPE-U (PU)                         |
| Vật liệu thanh piston | thép hợp kim                       |
| Vật liệu vỏ xy lanh   | Hợp kim nhôm rèn<br>anốt hóa trượt |